



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

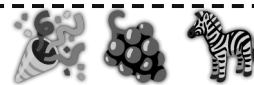
Review 3 · Unit 9–12 (SGK tr. 54–56)



Tuần 26

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)



z bra



gr pes



c ke



uice

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

ams (khoai mỡ)

dr ving (đang lái xe)

oo (sở thú)

y gurt (sữa chua)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

zoo driving cake yams

1. I want some

2. Do you like the?

3. They're cars.

4. The is on the table.

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. grapes

2. yogurt

3. table

4. zebra

a. sữa chua

b. cái bàn

c. ngựa vằn

d. nho

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Bé muốn ăn nho. I want some .

(A) yams (B) yogurt (C) grapes

2. Do you like the zoo? – No, I .

(A) do (B) don't

3. Các chú đang lái ô tô. They're cars.

(A) sliding (B) driving (C) riding

4. Cái bánh ở trên bàn. The cake is the table.

(A) at (B) is (C) on

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: cake driving

Chưa cần viết câu.



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 26

Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)

- zebra - grapes - cake - juice

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

yams (khoai mỡ) driving (đang lái xe) zoo (sở thú) yogurt (sữa chua)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

1. I want some **yams**.
2. Do you like the **zoo**?
3. They're **driving** cars.
4. The **cake** is on the table.

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 - d 2 - a 3 - b 4 - c

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **C** (grapes) 2. **B** (don't) 3. **B** (driving) 4. **C** (on)

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

cake driving

on thi.app/phieu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5